BỘ NGOẠI GIAO

Số: 31/2019/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO
Về hiệu lực của điều ước quốc tế

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bốt-xoa-na về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ, ký tại Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 10 năm 2019.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Đức Hạnh

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA BỐT-XOA-NA

VỀ

MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO HOẶC HỘ CHIẾU CÔNG VỤ

LỜI MỞ ĐẦU

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bốt-xoa-na (sau đây gọi là "Bên ký kết" đối với một Bên và "Các bên ký kết" đối với cả hai Bên);

MONG MUỐN *thúc đẩy và phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước;*

CAM KẾT *tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại của công dân mỗi Bên mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ;*

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1
MIỄN THỊ THỰC

1. Công dân của mỗi Bên ký kết, mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế.

2. Công dân mang hộ chiếu nói trên theo Khoản 1 điều khoản này được phép cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia tối đa là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày đầu tiên nhập cảnh.

3. Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của một Bên ký kết, Bên ký kết kia có thể gia hạn thời gian tạm trú cho công dân thuộc khoản 2 điều khoản này.

ĐIỀU 2
MIỄN THỊ THỰC CHO THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

1. Công dân của mỗi Bên ký kết được chỉ định là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mình đóng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia hoặc là đại diện của nước mình tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị, có thể nhập cảnh

vào lãnh thổ của Bên ký kết kia và tạm trú trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức mà không cần thị thực.

2. Các quyền miễn trừ cũng được áp dụng đối với vợ hoặc chồng, con (dưới đây gọi là "Thành viên gia đình") của những người được đề cập tại Khoản 1 điều này với điều kiện các thành viên gia đình mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn giá trị, hoặc con được ghi tên vào hộ chiếu của cha/mẹ, và các thành viên này sống trong cùng một gia đình. Theo mục đích của điều khoản này, "con" ở đây được hiểu là bất kỳ người con nào chưa đủ 18 tuổi.

ĐIỀU 3
SỰ TƯƠNG THÍCH VỚI NỘI LUẬT

1. Thông qua đường ngoại giao, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết, trong thời gian sớm nhất có thể, thông báo cho nhau về những thay đổi của luật pháp và các quy định liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú của công dân nước ngoài.

2. Các hộ chiếu được quy định theo Hiệp định này cần đáp ứng các tiêu chí về hiệu lực theo quy định của nội luật các Bên ký kết.

3. Hiệp định này không miễn cho những người mang các loại hộ chiếu theo Khoản 1 Điều 1 nghĩa vụ tôn trọng pháp luật của nước sở tại.

4. Không quy định nào của Hiệp định này ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ được quy định trong Công ước Viên về quan hệ ngoại giao ngày 18/4/1961 hoặc Công ước Viên về quan hệ lãnh sự 24/4/1963.

ĐIỀU 4
TRƯỜNG HỢP MẤT HỘ CHIẾU

Trong trường hợp công dân của Bên ký kết này mất hộ chiếu trên lãnh thổ Bên ký kết kia thì phải khai báo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mình và các cơ quan liên quan của nước sở tại một cách phù hợp. Sau khi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại mới phù hợp với pháp luật nước mình, cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự thông báo cho cơ quan hữu quan của nước sở tại về việc hủy bỏ số hộ chiếu cũ và cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại mới.

ĐIỀU 5
TỪ CHỐI NHẬP CẢNH

Mỗi Bên ký kết có quyền từ chối nhập cảnh hoặc rút ngắn thời hạn tạm trú trên lãnh thổ nước mình đối với bất kỳ công dân nào của Bên ký kết kia vì những lí do bảo vệ an ninh, y tế hoặc các lí do nghiêm trọng khác.

ĐIỀU 6
ĐÌNH CHỈ

Vì những lí do an ninh hoặc y tế, bất kỳ bên ký kết nào cũng có thể đình chỉ một phần hoặc toàn bộ việc thi hành Hiệp định này và có hiệu lực ngay lập tức sau khi Bên ký kết kia thông báo qua đường ngoại giao. Việc đình chỉ sẽ không ảnh hưởng đến quyền nhập cảnh của công dân mỗi Bên ký kết vào lãnh thổ của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 7
TRAO ĐỔI MẪU HỘ CHIẾU

1. Thông qua đường ngoại giao, các Bên ký kết trao cho nhau mẫu các loại hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ của mỗi Bên ký kết, bao gồm mô tả chi tiết của các loại hộ chiếu hiện hành của mỗi Bên trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký kết Hiệp định.

2.Thông qua đường ngoại giao, mỗi Bên ký kết cũng phải trao cho nhau mẫu hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ mới hoặc sửa đổi, bao gồm mô tả chi tiết của các loại hộ chiếu muộn nhất 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày sử dụng.

ĐIỀU 8
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu bằng văn bản, thông qua đường ngoại giao, về sửa đổi toàn bộ hoặc một phần của Hiệp định này. Bất kỳ sửa đổi nào, được Bên ký kết đồng ý, sẽ có hiệu lực sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của Bên ký kết kia và trở thành một phần của Hiệp định.

ĐIỀU 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ sự bất đồng nào giữa các Bên ký kết về việc giải thích và áp dụng các điều khoản của Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua tham vấn hoặc đàm phán giữa các Bên và không có sự tham dự của bên thứ ba hoặc tòa án quốc tế.

ĐIỀU 10
HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký kết.

2. Hiệp định này có giá trị không thời hạn, trừ khi một Bên ký kết thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người được Chính phủ mỗi Bên ủy quyền ký kết, đã tiến hành ký kết Hiệp định này.

LÀM TẠI Hà Nội, Việt Nam ngày 26 tháng 8 năm 2019 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Văn bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA BỐT-XOA-NA**
Phạm Bình Minh	Unity Dow
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF BOTSWANA

ON

VISA EXEMPTION FOR HOLDERS OF DIPLOMATIC OR OFFICIAL PASSPORTS

PREAMBLE

The Government of the Republic of Botswana and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to singularly as the "Contracting Party" and collectively as the "Contracting Parties");

DESIRING to strengthen and develop the friendly relations between the two countries;

COMMITTED to facilitate the ease of travel for citizens of the Contracting Parties who are holders of diplomatic or official passports into their respective countries;

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

ARTICLE 1
VISA EXEMPTION

1. A citizen of either Contracting Party, who is a holder of a valid diplomatic or official passport, shall be exempted from visa requirements for entry into, exit from and transit through the territory of the other Contracting Party at the border checkpoints designated for international travel.

2. A citizen holding the said passport specified at Paragraph 1 of this Article shall be permitted to stay in the territory of the other Contracting Party for a maximum period of 90(ninety) days counted from the date of first entry without visa.

3. Upon the request in writing of the diplomatic mission or consular post of the Contracting Party, the other Contracting Party may extend the permit of residence for those persons set out at Paragraph 2 of this Article.

ARTICLE 2
VISAS FOR ASSIGNMENTS

1. A citizen of either Contracting Party, who is assigned as a member of the diplomatic mission or consular post of their country accredited to the territory of the other Contracting Party or as representative of his/her country in an international organization, body, agency or any other such

entity located in the territory of the other Contracting Party and is a holder of a valid diplomatic passport or official passport, may enter the territory of the other Contracting Party and stay there for the duration of their assignment without a visa.

2. The same privileges shall also apply to the spouse and child/children ("hereinafter referred to as Family Members") of persons mentioned in Paragraph 1 of this Article provided that they are holders of valid diplomatic or official passports or the children's names are entered in their father's or mother's passport, insofar as they live in the same household. For purposes of this Article "child/children" shall mean any child under 18 years old.

ARTICLE 3
APPLICABILITY OF NATIONAL LAWS

1. Through diplomatic channels, the competent authorities of the Contracting Parties shall, at the earliest time as possible, inform each other of changes of their laws and regulations concerning the entry, exit and temporary stay of foreign nationals.

2. The passports specified in this Agreement shall meet the criteria of validity provided by the national legislation of the Contracting Parties.

3. This Agreement shall not exempt citizens of either Contracting Party who are holders of the passports specified at paragraph 1 of Article 1 from the obligation to observe the laws and regulations of the host country.

4. Nothing in this Agreement shall be construed as affecting the rights and obligations set out in the Vienna Convention on Diplomatic Relations of 18 April, 1961 or the Vienna Convention on Consular Relations of 24 April, 1963.

ARTICLE 4
LOSS OF PASSPORT

If a citizen of one Contracting Party loses his/her valid diplomatic or official passport in the territory of the other Contracting Party, he/she shall inform the diplomatic mission or consular post concerned and the relevant authorities of the host country for appropriate action. After issuing a new passport or travel document in accordance with its laws and regulations, the said diplomatic

mission or consular post shall inform the relevant authorities of the host country of the revocation of the lost passport as well as the above issuance.

ARTICLE 5
REFUSAL OF ENTRY

Each Contracting Party reserves the right to refuse the entry into, or shorten the stay in its territory, of any citizen of the other Contracting Party, whom it may consider undesirable for reasons of protection of state security, public order, public health or other serious reasons.

ARTICLE 6
SUSPENSION

For reasons of national security, public order or public health, either Contracting Party may, in whole or in part, suspend the implementation of this Agreement which shall take effect immediately after notification has been given to the other Contracting Party through diplomatic channels. The suspension shall not affect the rights of citizens who have already entered the territory of the other Contracting Party.

ARTICLE 7
EXCHANGE OF SPECIMEN PASSPORT

1. Through diplomatic channels, the Contracting Parties shall convey to each other specimens of diplomatic and official passports including a detailed description of such documents currently used by each Contracting Party within 30 (thirty) days after the signing of this Agreement".

2. Each Contracting Party shall also transmit to the other through diplomatic channels, specimen of its new or modified diplomatic and official passports, including a detailed description of such documents at least 30 (thirty) days before their introduction.

ARTICLE 8
AMENDMENTS

Either Contracting Party may request in writing, through diplomatic channels, for an amendment of the whole or part of this Agreement. Any amendment, which has been agreed to by the Contracting Parties, shall come into force 30

(thirty) days after receipt of the last notification by either Contracting Party and shall accordingly form part of this Agreement.

ARTICLE 9
DISPUTE SETTLEMENT

Any disagreement arising between the Contracting Parties on the interpretation or implementation of the provisions of this Agreement shall be settled amicably by consultation or negotiation between the Contracting Parties without reference to any third party or an international tribunal.

ARTICLE 10
ENTRY INTO FORCE AND DURATION

1. This Agreement shall enter into force 60 (sixty) days after the date of signing.

2. This Agreement shall be effective for an indefinite period, unless either Contracting Party gives to the other Contracting Party 03 (three) months notice in writing of its intention to terminate this Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned being duly authorised by their respective Governments, have signed the present Agreement.

DONE at Ha Noi, Viet Nam on the 26th August 2019 in duplicate in the Vietnamese and English languages. The Vietnamese and English texts are equally authentic.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF BOTSWANA
H.E Pham Binh Minh	Dr. Unity Dow
Minister of Foreign Affairs	Minister of International Affairs and Cooperation